



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG DẦU KHÍ 12/9
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2741/2012/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2011 từ trang 6 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được soạn lập trên cơ sở số liệu đầu kỳ là số liệu từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán chấp nhận từng phần do hạn chế về phạm vi kiểm toán: Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị có thể thu hồi được của khoản phải thu Xí nghiệp Xây lắp với số tiền là 1.891.576.873 đồng (năm 2009 và 2008 tương ứng là 2.291.346.519 đồng và 2.024.967.496 đồng) được trình bày trong khoản mục Phải thu khác theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và Công ty chưa thực hiện đánh giá thời gian sử dụng hữu ích và ghi nhận hao mòn đối với tài sản cố định hữu hình sử dụng cho mục đích phúc lợi với giá trị khoảng 3,7 tỷ đồng.

Không thống nhất trong xử lý kế toán

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo ước tính của chúng tôi số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập khoảng 2,4 tỷ đồng. Theo đó chỉ phí quản lý doanh nghiệp đang phản ánh thấp và kết quả hoạt động kinh doanh đang phản ánh cao hơn tương ứng. Chưa có bút toán điều chỉnh nào liên quan vấn đề này.



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Không thống nhất trong xử lý kế toán (Tiếp theo)

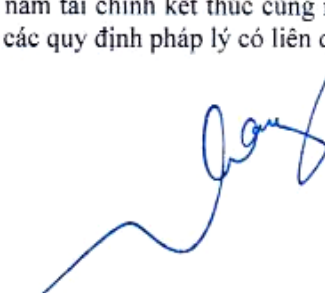
- Trong năm Công ty chưa thực hiện kết chuyển hết chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh với tổng giá trị khoảng 7.551.167.381 đồng (năm 2010 là 1.971.987.677 đồng). Theo đó chi phí quản lý doanh nghiệp đang bị phản ánh thiếu 4.960.794.852 đồng, chi phí bán hàng phản ánh thiếu 724.467.529 đồng, giá vốn hàng bán phản ánh thiếu 1.865.905.000 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đang phản ánh cao hơn với giá trị 7.551.167.381 đồng tương ứng. Tổng ảnh hưởng đến lợi nhuận chưa phân phối là 7.551.167.381 đồng. Chưa có bút toán điều chỉnh nào liên quan vấn đề này.
- Như đã trình bày trong thuyết minh số V.6 trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện trích khấu hao tài sản cố định trong năm 2011 theo đúng quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính. Theo tính toán của chúng tôi thì chi phí khấu hao chưa được trích đủ trong năm 2011 là 6,2 tỷ đồng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về ảnh hưởng của việc trích thiếu khấu hao nêu trên đến các khoản mục được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của hạn chế phạm vi kiểm toán và không thống nhất trong xử lý kế toán nói trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 28 tháng 3 năm 2012


Lê Xuân Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		150.102.641.473	164.163.366.093
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.868.434.417	41.604.301.588
1. Tiền	111		6.368.434.417	41.604.301.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	6.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.000.000.000	6.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.659.720.204	82.370.096.582
1. Phải thu khách hàng	131		14.803.831.188	13.160.499.266
2. Trả trước cho người bán	132		70.496.572.826	67.004.392.082
5. Các khoản phải thu khác	135		6.359.316.190	2.205.205.234
IV. Hàng tồn kho	140		10.040.730.963	12.842.272.002
1. Hàng tồn kho	141	V.3	10.040.730.963	12.842.272.002
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.533.755.889	21.346.695.921
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.915.685.090	2.419.899.655
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.053.518.915	17.556.987.695
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	125.876.513	32.971.901
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	2.438.675.371	1.336.836.670
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		518.689.288.521	272.014.847.249
II. Tài sản cố định	220		518.358.457.368	271.693.344.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	20.666.820.190	17.555.669.984
- Nguyên giá	222		78.494.599.753	72.812.641.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.827.779.563)	(55.256.971.972)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	108.965.608	118.235.446
- Nguyên giá	228		179.047.619	179.047.619
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.082.011)	(60.812.173)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	497.582.671.570	254.019.438.695
V. Tài sản dài hạn khác	260		330.831.153	321.503.124
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		170.067.744	170.067.744
3. Tài sản dài hạn khác	268		160.763.409	151.435.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		668.791.929.994	436.178.213.342

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		474.391.459.650	242.191.346.099
I. Nợ ngắn hạn	310		28.682.371.446	26.336.415.904
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	13.510.000.000
2. Phải trả người bán	312		12.142.312.652	6.252.493.532
3. Người mua trả tiền trước	313		218.410.605	165.237.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	2.162.218.588	252.845.651
5. Phải trả người lao động	315		554.931.162	55.272.013
6. Chi phí phải trả	316	V.10	9.815.391.104	1.122.244.415
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	3.715.865.167	4.909.080.625
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		73.242.168	69.242.168
II. Nợ dài hạn	330		445.709.088.204	215.854.930.195
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	445.604.537.009	215.750.379.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		104.551.195	104.551.195
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		194.400.470.344	193.986.867.243
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	194.400.470.344	193.986.867.243
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		881.097.594	881.097.594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		125.871.084	125.871.084
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	5.538
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.606.498.334)	(7.020.106.973)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		668.791.929.994	436.178.213.342



(Handwritten signature)

Nguyễn Đăng Tịnh
Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2012

(Handwritten signature)

Nguyễn Thế Hùng
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG DẦU KHÍ 12/9Km số 62, Quốc lộ 7, xã Hội Sơn,
huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		63.001.099.881	50.457.367.213
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.001.099.881	50.457.367.213
4. Giá vốn hàng bán	11		62.988.440.554	46.844.606.343
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.659.327	3.612.760.870
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	4.879.253.138	6.789.574.580
7. Chi phí tài chính	22		745.503.086	1.719.769.770
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		745.503.086	1.719.769.770
8. Chi phí bán hàng	24		1.858.072.358	3.671.805.682
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.710.071.491	5.951.196.965
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.421.734.470)	(940.436.967)
11. Thu nhập khác	31		3.921.429.109	1.889.969.910
12. Chi phí khác	32		86.086.000	829.958.847
13. Lợi nhuận khác	40		3.835.343.109	1.060.011.063
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		413.608.639	119.574.096
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.2	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		413.608.639	119.574.096
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.3	21	6

**Nguyễn Đăng Tịch**
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thế Hùng
Kê toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	413.608.639	119.574.096
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	2.998.614.906	3.835.551.196
- Chi phí lãi vay	06	745.503.086	1.719.769.770
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.157.726.631	5.674.895.062
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(14.164.882.298)	(68.758.273.937)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	2.801.541.039	(887.114.698)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	16.876.097.388	98.027.680.495
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.495.785.435)	(2.419.899.655)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(745.503.086)	(1.719.769.770)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.308.725.467	(17.033.572.981)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	15.737.919.706	12.883.944.516
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(250.697.198.024)	(285.328.295.291)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22	-	81.500.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	31.000.000.000
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.879.253.138	6.641.837.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(244.817.944.886)	(247.604.957.816)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	51.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	230.518.158.009	215.750.379.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.174.000.000)	(24.169.851.343)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	216.344.158.009	242.580.527.657
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(12.735.867.171)	7.859.514.357
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	41.604.301.588	33.744.787.231
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28.868.434.417	41.604.301.588



Nguyễn Đăng Tịnh
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thế Hùng
Kế toán trưởng